

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST
Ngày: 06-8-2019
V/v: “*Tranh chấp kinh doanh
thương mại về Hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn H.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng N.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-KDTM ngày 28/3/2019 về việc “*Tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2019/QĐXX-KDTM ngày 25/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2019/QĐST-KDTM ngày 12/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại H.

Địa chỉ: Lô B3, B4, khu công nghiệp H, xã Hòa H, huyện Đ, tỉnh P.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1972. Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Ngọc C, sinh năm 1965. Chức vụ: Nhân viên thị trường.

Địa chỉ: 161, đường Nguyễn T, phường O, thành phố T, tỉnh P. (có mặt).

(Giấy ủy quyền số 06/UQ-CT-HLVN, ngày 20/5/2019).

2. Bị đơn: Bà Quách Thị N, sinh năm 1975 - Chủ đại lý Tấn Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: số 224, tổ 4, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 19/4/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại H (do ông Đặng Ngọc C, đại diện) trình bày: ngày 22/12/2015, giữa Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoàng L (gọi tắt là Công ty V) và bà Quách Thị N - Chủ đại lý Tấn Đ có ký kết hợp đồng nguyên tắc số 188/HL-HĐKT/2015. Theo thỏa thuận thì Công ty V bán những mặt hàng phân bón cho bà Quách Thị N, việc mua bán theo đơn đặt hàng của bà N về số lượng và chủng loại. Tổng giá trị đơn hàng là 357.000.000 đồng, các bên thỏa thuận giao nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản. Công ty đã giao đủ số lượng hàng cho bà N . Nghĩa vụ thanh toán được chia làm 02 đợt, cụ thể: đợt 01 thanh toán 70% giá trị đơn đặt hàng sau 15 ngày nhận hàng; đợt 02 thanh toán 30% đơn hàng còn lại sau 45 ngày nhận hàng. Tuy nhiên, đến ngày 27/01/2016, bà Quách Thị N chuyển khoản cho Công ty V 30.000.000 đồng; ngày 01/02/2016, bà N chuyển khoản thêm 70.000.000 đồng rồi ngưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 10/6/2016, bà Quách Thị N - Chủ đại lý Tấn Đ đã ký đối chiếu công nợ với Công ty, số tiền bà N còn nợ là 257.000.000 đồng. Công ty V đã nhiều lần cử nhân viên đến nhắc nhở và yêu cầu bà N trả nợ, bà N hứa hẹn trả nhưng không thực hiện. Nay Công ty yêu cầu bà Quách Thị N phải trả số tiền mua phân bón còn nợ là 257.000.000 đồng (hai trăm năm mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Quách Thị N vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoàng L với bà Quách Thị N là tranh chấp hợp đồng mua bán phân bón giữa các chủ thể có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Quách Thị N có đăng ký thường trú tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh A nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ bị đơn bà Quách Thị N để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập bà N đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Quách Thị N.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: việc mua bán phân bón giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại H với bà Quách Thị N - Chủ đại lý Tấn Đ được thực hiện thông qua hợp đồng lập ngày 22/12/2015.

Hình thức mua bán là bên bán giao hàng và bên mua có nghĩa vụ thanh toán theo phương thức chuyển khoản. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng, bị đơn đã nhận hàng theo đúng chủng loại, số lượng và đơn giá. Sau khi đối chiếu công nợ ngày 12/10/2016, bà Quách Thị N ký xác nhận nợ Công ty số tiền 357.000.000 đồng. Sau đó bà N đã trả cho Công ty được tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Đến ngày 10/6/2016, bà N ký xác nhận còn nợ Công ty số tiền 257.000.000 đồng. Mặc dù Công ty nhiều lần yêu cầu bà N trả số tiền 257.000.000 đồng nhưng bà N vẫn không thực hiện.

Xét thấy, hợp đồng mua bán phân bón giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, nguyên đơn và bị đơn có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết nên việc mua bán trên là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà Quách Thị N đã được triệu tập hợp lệ bằng phương thức tổng đạt trực tiếp để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà N đều vắng mặt và không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ 257.000.000 đồng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại H khởi kiện yêu cầu bà Quách Thị N phải trả cho Công ty số tiền còn nợ là 257.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về lãi suất: nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Quách Thị N trả số tiền gốc 257.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về lãi suất.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: do bà Quách Thị N bị buộc trả số tiền nêu trên, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại H không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 24, Điều 50 Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại H.

Buộc bà Quách Thị N - Chủ đại lý Tấn Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại H số tiền 257.000.000 đồng (hai trăm năm mươi bảy triệu đồng).

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Quách Thị N - Chủ đại lý Tân Đ chịu 12.850.000 đồng (mười hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại H không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền 6.425.000 đồng (sáu triệu, bốn trăm, hai mươi lăm nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000075, ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A;
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H